TỔNG HỢP TÌNH HÌNH PHÂN BỔ VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NSĐP NĂM 2024 CỦA CẤP HUYỆN, XÃ

(Kèm theo Báo cáo số 542 /BC-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Uỷ ban nhân dân huyện Thanh Hà)

Đvt: Triệu đồng

TT	Địa phương	Kế hoạch vốn năm 2024 (UBND tỉnh giao)				Giải ngân đến ngày 03/12/2024			Tỷ lệ giải ngân (%)			Ghi chú
		Tổng số	*Trong đó*			Tổng số	Trong đó		Vốn trong cân đối	Vốn BS có mục tiêu NS tỉnh	**Bình quân chung**	
			Nguồn XDCB tập trung	Thu sử dụng đất	Bổ sung có mục tiêu từ NS tỉnh		Vốn NS huyện	Bổ sung có mục tiêu từ NS tỉnh				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Tổng số		**312,738.6**	**19,678.6**	**140,000**	**153,060**	**40,749.1**	**13,618.5**	**20,680.6**			**13.0**	
1	Ngân sách cấp huyện	305,238.6	19,678.6	132,500	153,060	34,299.1	13,618.5	20,680.6	8.9	13.5	11.2	
2	Ngân sách cấp xã	7,500		7,500		6,450			86.0		86.0	

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VÀ KẾ HOẠCH GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 (DỰ ÁN CẤP HUYỆN) - HUYỆN THANH HÀ **Biểu số 01**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của Uỷ ban nhân dân huyện Thanh Hà)

Đvt: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư (theo quyết định phê duyệt lần cuối cùng nếu có)	Kế hoạch vốn thanh toán năm 2024			Kế hoạch vốn 2024 đã giải ngân đến 03/12/2024			Tỷ lệ (%) so với kế hoạch vốn năm 2024			Ghi chú
			Tổng số	*Bao gồm*		Tổng số	*Bao gồm*		Tổng số	*Trong đó*		
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
1	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10	11	12	13
TỔNG CỘNG		**1,607,281**	**305,238.6**	**153,060**	**152,178.6**	**34,299.1**	**20,680.6**	**13,618.5**	**11.2%**	**13.5%**	**8.9%**	
I	**Dự án có vốn bổ sung mục tiêu từ NS tỉnh (08 DA)**	**787,307**	**206,583**	**153,060**	**53,523**	**21,207.3**	**20,680.6**	**526.8**	**10.3%**	**13.5%**	**1.0%**	
1	Nâng cấp đường tỉnh 390B và xây dựng mới tuyến đường tránh trung tâm Thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà.	720,440	170,941	130,000	40,941	14,893.4	14,434.8	458.6	8.7%	11.1%	1.1%	
2	Cải tạo, nâng cấp Chợ Bầu xã Thanh Hồng, Chợ Liên Minh xã Thanh Lang, Chợ Sỏi xã An Phượng và Chợ Côm xã Tân Việt, huyện Thanh Hà	4,000	4,000	4,000					0.0%	0.0%		
*	***Đề án xây dựng trụ sở làm việc công an cấp xã***	***38,794.1***	***19,441.5***	***11,000***	***8,441.5***	***4,199.1***	***4,199.1***	***0.0***	***21.6%***	***38.2%***	***0.0%***	
2	Trụ sở làm việc công an xã An Phượng, huyện Thanh Hà	9,901.0	5,110.5	3,000	2,110.5	2,127.0	2,127.0	0.0	41.6%	70.9%	0.0%	
3	Nhà làm việc công an xã Thanh Hồng, huyện Thanh Hà	8,980.1	5,110.0	3,000	2,110.0	2,072.2	2,072.2	0.0	40.6%	69.1%	0.0%	
4	Trụ sở làm việc công an xã Tân Việt	9,988.0	4,610.5	2,500	2,110.5	0.0	0.0	0.0	0.0%	0.0%	0.0%	
5	Trụ sở làm việc công an xã Thanh Sơn	9,925.0	4,610.5	2,500	2,110.5	0.0	0.0	0.0	0.0%	0.0%	0.0%	
*	***Đề án xây dựng, bổ sung phòng học thiếu***	***24,072.7***	***12,200.0***	***8,060***	***4,140.0***	***2,114.9***	***2,046.7***	***68.2***	***17.3%***	***25.4%***	***1.6%***	
6	Nhà lớp học 1 tầng 4 phòng móng 2 tầng trường Mầm non An Phượng (Khu A), xã An Phượng, huyện Thanh Hà	5,795.9	3,450.0	1,897.5	1,553	1,047	1,046.7	0.0	30.3%	55.2%	0.0%	
7	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm non Hồng Lạc (Khu B thôn Hải Hộ), xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà	9,832.8	5,750.0	3,162.5	2,588	1,068	1,000.0	68.2	18.6%	31.6%	2.6%	
8	Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường Tiểu học Thanh Xuân, xã Thanh Xuân, huyện Thanh Hà	8,444	3,000.0	3,000		0	0.0		0.0%	0.0%		

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư (theo quyết định phê duyệt lần cuối cùng nếu có)	Kế hoạch vốn thanh toán năm 2024			Kế hoạch vốn 2024 đã giải ngân đến 03/12/2024			Tỷ lệ (%) so với kế hoạch vốn năm 2024			Ghi chú
			Tổng số	*Bao gồm*		Tổng số	*Bao gồm*		Tổng số	*Trong đó*		
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
1	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10	11	12	13
II	**Vốn ngân sách cấp huyện (23 dự án)**	**819,974**	**98,656**	**0**	**98,656**	**13,092**	**0.0**	**13,091.7**	**13.3%**		**13.3%**	
1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 390 đoạn Km26+600 - Km30+300,3 huyện Thanh Hà	152,913	2,127		2,127	0			0.0%		0.0%	
2	Khu dân cư Phía Bắc Thị trấn Thanh Hà	260,588	14,302		14,302	4,940		4,940.0	34.5%		34.5%	
3	Cải tạo, mở rộng đường huyện Hồng Lạc - Cẩm Chế (Đoạn từ miếu Bà Tài xã Tân Việt đến nhà hàng Đình Quân xã Cẩm Chế, huyện Thanh Hà)	8,911	611		611	0			0.0%		0.0%	
4	Kinh phí 10% tiền sử dụng đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký kiểm kê đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng CSDL đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính	17,263	4,912		4,912	0			0.0%		0.0%	
5	Cải tạo, nâng cấp đường huyện 190D (đoạn từ Km3+427 đến Km5+037)	29,150	10,000		10,000	2,229		2,228.9	22.3%		22.3%	
6	Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024	779	779		779	779		779	100.0%		100.0%	
7	Cải tạo, sửa chữa hệ thống đèn Led trang trí mỹ thuật huyện Thanh Hà	2,555	2,555		2,555	1,992		1,992.4	78.0%		78.0%	
8	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng trường Tiểu học Thanh Xuân	14,940	440		440	381		380.6	86.5%		86.5%	
9	Quy hoạch chung mở rộng thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà, tỉnh HD đến năm 2035	3,231	2,000		2,000	0			0.0%		0.0%	
10	Xây dựng gồ giảm tốc, bổ sung hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống báo hiệu trên các tuyến đường nhánh giao cắt với các tuyến đường tỉnh, đường huyện trên địa bàn huyện Thanh Hà	3,916	3,700		3,700	2,511		2,510.9	67.9%		67.9%	
11	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Đồng Bo xã Thanh Xá, huyện Thanh Hà	44,600	13,125		13,125	0			0.0%		0.0%	

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư (theo quyết định phê duyệt lần cuối cùng nếu có)	Kế hoạch vốn thanh toán năm 2024			Kế hoạch vốn 2024 đã giải ngân đến 03/12/2024			Tỷ lệ (%) so với kế hoạch vốn năm 2024			Ghi chú
			Tổng số	*Bao gồm*		Tổng số	*Bao gồm*		Tổng số	*Trong đó*		
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
1	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10	11	12	13
12	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư Khu 1 thị trấn Thanh Hà (Giai đoạn 3)	14,877	5,000		5,000	260		260.0	5.2%		5.2%	
13	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu Hành chính và Dân cư phía Đông (Lần 2 giai đoạn 1 - lần 1 giai đoạn 2) thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương	127,681	8,000		8,000	0			0.0%		0.0%	
14	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông (Giai đoạn 3) thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương	58,788	7,000		7,000	0			0.0%		0.0%	
15	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thanh Hà	1,462	1,351	0	1,351	0		0.0	0.0%		0.0%	
16	Hỗ trợ các xã, thị trấn thực hiện công trình, dự án do huyện giao xã làm chủ đầu tư	8,835	8,835		8,835	0			0.0%		0.0%	
17	Mở rộng trường và xây dựng Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng Trường THCS Chu Văn An	13,932	698		698	0			0.0%		0.0%	
*	***Đề án xây dựng trụ sở làm việc công an cấp xã***	***17,706***	***4,221***	***0***	***4,221***	***0***	***0.0***	***0.0***	***0.0%***		***0.0%***	
18	Trụ sở làm việc công an xã Hồng Lạc	9,264.0	2,110.5		2,110.5	0.0	0.0	0.0	0.0%		0.0%	
19	Trụ sở làm việc công an xã Thanh Quang	8,442.0	2,110.5	0	2,110.5	0.0	0.0	0.0	0.0%		0.0%	
*	*Đề án xây dựng, bổ sung phòng học thiếu*	*37,847.4*	*9,000*	*0*	*9,000*	*0*	*0.0*	*0.0*	0.0%		0.0%	
20	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường MN Thanh Hồng và Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường MN Việt Hồng	16,805	3,105	0	3,105	0	0.0	0.0	0.0%		0.0%	
21	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường Mầm non xóm 4, xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà	6,942	2,070	0	2,070	0	0.0	0.0	0.0%		0.0%	
22	Nhà lớp học 3 tầng 6 phòng trường Trung học Cơ sở Thanh Hải, xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà	6,730.4	1,912.5		1,912.5	0.0	0.0	0.0	0.0%		0.0%	
23	Nhà lớp học 3 tầng 6 phòng trường THCS An Phượng (Khu A), xã An Phượng, huyện Thanh Hà	7,370	1,912.5		1,912.5	0.0	0.0	0.0	0.0%		0.0%	

Biểu số 02

TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 - CẤP XÃ CỦA HUYỆN THANH HÀ

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của Uỷ ban nhân dân huyện Thanh Hà)

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư (theo quyết định phê duyệt lần cuối cùng nếu có)	Kế hoạch vốn thanh toán năm 2024			Giải ngân đến ngày 03/12/2024			Tỷ lệ % so với KH			Ghi chú (nêu khó khăn, vướng mắc cho từng dự án nếu có)
				Tổng số	*Bao gồm*		Tổng số	*Bao gồm*		Tổng số	*Bao gồm*		
					Vốn KH năm 2024			Vốn KH năm 2024			Vốn KH năm 2024		
					Vốn NSTW	Vốn NSĐP		Vốn NSTW	Vốn NSĐP		Vốn NSTW	Vốn NSĐP	
1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	9	10	11	22
TỔNG CẤP XÃ			**132,579**	**7,500**	**0**	**7,500**	**6,450**	**0**	**6,450**	***86.0%***	**0%**	***86.0%***	
1	Chuẩn bị đầu tư		0	0	0	0	0	0	0	0%	0%	0%	
2	Dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng từ năm 2023 trở về trước		121,909	5,403	0	5,403	4,850	0	4,850	119.4%	0%	119.4%	
3	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2024		5,158	101	0	101	101	0	101	100%	0%	100%	
4	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024		0	0	0	0	0	0	0	0%	0%	0%	
5	Dự án khởi công mới dự kiến hoàn thành trong năm 2024		5,512	1,997	0	1,997	1,499	0	1,499	75.1%	0%	75.1%	
6	Dự án khởi công mới hoàn thành sau năm 2024		0	0	0	0	0	0	0	0%	0%	0%	